

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 09 - 7 - 2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn M Khâm

Ông Nguyễn Khánh Duy

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài – Thẩm tra viên TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị G - Sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Đội 11, thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công M - Sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 21, phân trại số 3, Trại giam số 5 (địa chỉ: Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên tòa: Có mặt chị G. Vắng mặt anh M (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công M đăng ký kết hôn ngày 27/3/2013 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, từ tháng 11/2016 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tháng 6/2017 anh M vi phạm pháp luật bị TAND huyện Hải Hậu xử phạt 57 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 05/9/29013, hiện đang ở với chị G. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28/5/2019, bị đơn là anh Nguyễn Công M trình bày:

Anh xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Đoàn Thị G trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị G. Anh đồng ý để chị G nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 05/9/29013.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS. Việc anh M vắng mặt tại các phiên hòa giải do điều kiện đang chấp hành phạt và có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy chị G và anh M xa cách đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh M đang chấp hành hình phạt, chị G có yêu cầu ly hôn anh M nhất trí, xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị G và anh M đã thực sự tan vỡ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được vì vậy áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX:

- Xử ly hôn giữa chị Đoàn Thị G và anh Nguyễn Công M.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 05/9/29013 cho chị G nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh M là đúng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Đoàn Thị G kết hôn với anh Nguyễn Công M ngày 27/03/2013 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016.

Sau khi chị G có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị G cho anh M.

Tại bản tự khai, anh M trình bày do vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành hình phạt, anh biết được chị G có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị G không còn nên cũng nhất trí ly hôn.

Do điều kiện anh M đang chấp hành hình phạt nên không tiến hành hòa giải được nên có đề nghị xin vắng mặt.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh M đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị G có đơn xin ly hôn, anh M cũng nhất trí ly hôn. Việc các đương sự đều đồng ý ly hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 05/9/29013. Chị G nhận nuôi dưỡng con chung và anh M đồng ý là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Việc chị G không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị G và anh M có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị G và anh Nguyễn Công M.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị G có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 05/9/2013. Cháu Nguyễn Tuấn T hiện đang ở với chị G. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 05007 ngày 12/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Công M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã L, huyện T;
- BGT Trại giam số 5;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà